

Số: /BC-GSĐT

Phú Điền ngày

tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO
Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2023

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

Thực hiện quy định về báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2022 theo Nghị định số 29/2021/NĐ-CP, ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự thủ tục thẩm định dự án quan trọng Quốc gia và giám sát đánh giá đầu tư; Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư, Công văn số 18/UBND-TCKH ngày 05/01/2024 của UBND Huyện Nam Sách về việc lập Báo cáo giám sát đánh giá tổng thể đầu tư năm 2023, UBND xã Phú Điền tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2023 như sau:

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH

Năm 2023 UBND xã Phú Điền đã thực hiện một số vị trí quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 phụ vụ công tác xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 như quy hoạch quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường Mầm Non Phú Điền, Trường Tiểu học và THCS xã và quy hoạch nghĩa trang nhân dân ở các thôn trên địa bàn xã Phú Điền, huyện Nam Sách

Nhìn chung công tác lập, thẩm định và phê duyệt các dự án quy hoạch trong năm 2023 đạt kế hoạch đề ra, phù hợp với quy hoạch của xã giai đoạn 2020-2030.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

Trong năm UBND xã không khởi công dự án mới do xã thuộc diện sắp nhập giai đoạn 2023-2025; kinh phí tập trung trả nợ cho các công trình chuyển tiếp xây dựng trong năm 2022

Thực hiện chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ, quyết toán và thanh toán trả nợ các công trình theo dự toán vốn được giao và giải ngân trong năm đạt 100% kế hoạch .

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm; 8.774.989.000 đồng
- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ (giá trị khối lượng thực hiện); 918.765.000 đồng
- Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ; 8.774.989.000 đồng
- Tình hình nợ đọng vốn đầu tư (nếu có); 5.060.760.000đồng
- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có). Không

(Kèm theo phụ biểu 01)

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách

nhệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án: Ngay sau khi được giao kế hoạch các chủ đầu tư đã khẩn trương thực hiện các bước trình tự, thủ tục theo quy định, lựa chọn, ký hợp đồng với các đơn vị tư vấn để khảo sát, lập dự án.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư chương trình.

Công tác thẩm định dự án được thực hiện khẩn trương, đúng quy trình, các dự án được đầu tư đảm bảo đúng quy định

3. Tình hình thực hiện các chương trình.

a) Việc quản lý thực hiện chương trình: Công tác giám sát, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ gắn với chất lượng thi công được tăng cường, ngoài việc kiểm tra của các chủ đầu tư, các cơ quan chuyên môn theo chức năng Tập trung chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng theo thiết kế, các công trình, dự án khác tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra. Các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh. Tuy nhiên còn một số dự án thiếu vốn, nhà thầu chưa thi công đảm bảo theo đúng tiến độ hợp đồng do vậy ảnh hưởng đến tiến độ chung thực hiện dự án, hồ sơ quản lý chất lượng thi công còn có nội dung còn thiếu sót phải bổ sung hoàn thiện.

b) Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình;

Công tác quyết toán dự án hoàn thành thực hiện còn chậm: năm 2023 xã mới tiến hành kiểm tra các công trình hoàn thành, ký khối lượng hoàn thành A-B phản ánh đúng giá trị thực của dự án, công trình, và quyết toán được 06 công trình tuy nhiên công tác thẩm định hồ sơ quyết toán còn chậm theo kế hoạch đề ra;

4. Kết quả thực hiện

Kết quả thực hiện giám sát đánh giá các dự án: Tổng hợp kiểm tra, giám sát các công trình dự án trên địa bàn xã cho thấy: không có tình trạng dự án phê duyệt không đúng thẩm quyền, không phù hợp với quy hoạch; đấu thầu không đúng quy định;

- Số dự án phải ngừng thực hiện về những lý do khác nhau: 0 dự án.
- Số dự án đưa vào sử dụng nhưng không hiệu quả: 0 dự án.

(Kèm theo phụ biểu 02)

V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

Trong năm 2023 UBND xã công có dự án xây dựng trình HĐND xã khóa XXII phê duyệt chủ trương cho phép đầu tư xây dựng các công trình (do xã Phú Điền thuộc diện sáp nhập giai đoạn 2023-2025 nên tạm dừng XD CB)

2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư.

UBND xã đã căn cứ vào phê duyệt chủ trương đầu tư tiến hành thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật trình, thuê đơn vị thẩm tra dự toán các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của các cấp;

3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.

Công tác thẩm định dự án được thực hiện khẩn trương, đúng quy trình, các dự án được đầu tư đảm bảo đúng quy định,

4. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Việc quản lý thực hiện dự án:

UBND xã đã tiến hành thuê đơn vị tư vấn quản lý, tư vấn giám sát và thành lập ban Giám sát cộng đồng để kiểm tra giám sát quá trình xây dựng theo dự toán thiết kế được phê duyệt

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư:

Nhà thầu thi công đảm bảo theo đúng tiến độ hợp đồng, tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng nhưng việc lập hồ sơ quyết toán công trình còn chậm do vậy ảnh hưởng đến tiến độ chung thực hiện dự án, hồ sơ quản lý chất lượng thi công còn có nội dung còn thiếu sót phải bổ sung hoàn thiện.

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư:

Căn cứ vào nguồn vốn được giao đầu năm, hỗ trợ của Ngân sách cấp trên và nguồn tăng thu tiền đất trong năm UBND xã xây dựng kế hoạch giải ngân kịp thời cho các công trình xây dựng hoàn thành, ưu tiên công trình đã được quyết toán. Tuy nhiên do nguồn vốn xây dựng còn hạn chế nên nợ đọng xây dựng còn kéo dài

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;

Chấp hành đúng quy định về việc quản lý, giám sát thi công công trình, Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý và tư vấn giám sát để tham mưu giúp UBND xã quản lý, giám sát công trình theo đúng đề án thiết kế được phê duyệt

đ) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

Còn có công trình do thiết kế chưa tính toán đến, do vậy quá trình thực hiện thi công phát sinh, chủ đầu tư phải đề xuất các đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu, tư vấn quản lý, giám sát bổ xung cho phù hợp, nâng chất lượng hiệu quả công trình.

e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Đề nghị các phòng ban chuyên môn xem xét thẩm tra, phê duyệt quyết toán các công trình xây dựng cơ bản của xã để UBND xã thanh toán dứt điểm không để nợ đọng kéo dài các công trình xây dựng cơ bản

Đề nghị cấp trên hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách cấp trên để xã có nguồn trả nợ và xây dựng công trình

Tiếp tục thực hiện quy hoạch khu dân cư mới, tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất để có nguồn thanh toán nợ đọng XDCB

Lập kế hoạch và bán đất xen kẹt, đất dôi dư để tập trung nguồn vốn cho trả nợ xây dựng cơ bản;

Tăng tỷ lệ điều tiết từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất để UBND cấp xã có kinh phí để trả nợ các công trình XDCB

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.

Các công trình xây dựng xong bàn giao đưa vào sử dụng đã đáp ứng được yêu cầu cần thiết ở địa phương góp phần tích cực vào phát triển kinh tế xã hội ở địa phương

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo phụ biểu 03)

VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (UBND xã không có dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư) *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình xây dựng và công bố danh mục dự án;
2. Tình hình thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng và thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
3. Tổng hợp tình hình thực hiện Hợp đồng dự án;
4. Việc chấp hành quy định về cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
5. Việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của các bên ký kết Hợp đồng dự án trong việc thực hiện Hợp đồng dự án.
6. Tình hình khai thác, vận hành, dự án.
7. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

(Kèm theo phụ biểu 04)

VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC (UBND xã không có dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác) *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Việc thực hiện thủ tục đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có).
2. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án.
3. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, góp vốn pháp định (đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có yêu cầu phải có vốn pháp định).
4. Tình hình khai thác, vận hành dự án: kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.
5. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.
6. Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
7. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
8. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).

9. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

(Kèm theo phụ biểu số 05)

VIII. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ, thời gian báo cáo với các cấp, các ngành có liên quan. theo đúng quy định

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.

Báo cáo có bản đã nêu được thông tin chủ yếu của dự án, chương trình đầu tư, đảm bảo trung thực, chính xác, nghiêm túc trong báo cáo, cập nhật đầy đủ thông tin theo biểu mẫu quy định

3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ.

- Số dự án được kiểm tra; mức độ đạt được so với kế hoạch (Không);
- Số dự án được đánh giá; mức độ đạt được so với kế hoạch (Không);
- Các phát hiện chính sau khi kiểm tra, đánh giá các dự án.(Không)

4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo *(kèm theo danh mục các dự án dự kiến sẽ kiểm tra, đánh giá trong kỳ).*

5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ.

- Công tác giám sát được đảm bảo, chặt chẽ, đúng nguyên tắc, quy định. Các công trình được đầu tư trọng điểm, đáp ứng khai thác hiệu quả với tình hình nhu cầu thực tế tại địa phương.

6. Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư. (Không)

7. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết. (Không)

IX. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình triển khai công tác giám sát đầu tư của cộng đồng:

Công tác giám sát đầu tư của cộng đồng được triển khai thực hiện tại xã, đối với tất cả các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn xã đã thành lập ban giám sát cộng đồng thực hiện giám sát công trình theo hình thức dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra

Công tác đào tạo, tăng cường năng lực; cơ cấu tổ chức, kinh phí hoạt động; số dự án được giám sát;...

Cán bộ giám sát cộng đồng còn chưa có chuyên môn, chủ yếu dựa vào khả năng quan sát và kinh nghiệm thực tế để giám sát, nên công tác tham mưu kém còn nên cần có lớp tuấn huấn kỹ năng cho cán bộ giám sát để tăng cường năng lực cho cán bộ giám sát đảm bảo tham mưu cho UBND xã một cách chính xác, đầy đủ về kỹ thuật mỹ thuật của công trình xây dựng

Kinh phí chi cho công tác giám sát chưa đáp ứng ngày công giám sát, do nguồn ngân sách hạn chế, chế độ theo công trình cho giám sát cộng đồng không có, nên khó khăn cho công tác chi cho ban giám sát cộng đồng.

2. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Ủy ban MTTQ các cấp.

Ban giám sát cộng đồng đã thường xuyên kiểm tra, giám sát công trình và phản ánh về UBND xã (Chủ đầu tư) để UBND xã có kế hoạch và biện pháp khắc phục hoặc yêu cầu bên thi công phục sửa chữa những việc chưa đạt yêu cầu để đảm bảo chất lượng cho công trình

Thực hiện đúng và đảm bảo chế độ báo cáo theo quy định.

3. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.

Việc giám sát đầu tư cộng đồng đã đóng góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, phản ánh Trung thực, khách quan đúng thực tế trong quá trình thi công công trình phát hiện những vướng mắc trong thi công công trình. song bên cạnh đó việc giám sát đầu tư cộng đồng cũng chưa đạt được kết quả chưa cao, chưa phát huy được vai trò tích cực của công tác giám sát do trình độ chuyên môn của cán bộ giám sát còn yếu

- Đảm bảo báo cáo chính xác, chung thực, đúng quy định.

4. Các phát hiện chính của công tác giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch liên quan và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

Các công trình xây dựng địa bàn xã được đầu tư xây dựng đều là những công trình cấp thiết, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất,

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các công trình được đầu tư xây dựng phù hợp với nhu cầu cần thiết của địa phương.

b) Việc chấp hành các quy định của chủ đầu tư về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;

Thực hiện nghiêm túc quy hoạch đã được phê duyệt, các đồ án, thiết kế. Quá trình quản lý, kiểm tra, giám sát nghiêm túc, không để tình trạng vi phạm về chất thải, đảm bảo về môi trường. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng được công khai, minh bạch, đúng quy định.

c) Những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

Các công trình trong quá trình thi công không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh

Trong quá trình thực hiện các công trình không ảnh hưởng đến lợi ích Nhân dân, do vậy các dự án, công trình đảm bảo chất lượng tiến độ.

d) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

Không có những việc làm gây lãng phí, ảnh hưởng thất thoát vốn và tài sản

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

Các công trình xây dựng trên địa bàn xã được công khai, minh bạch từ khâu lập dự toán, thi công công trình và quyết toán công trình đảm bảo theo đúng quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn

5. Kết quả xử lý sau giám sát đầu tư của cộng đồng.

Các kiến nghị đề nghị của ban giám sát cộng đồng được ủy ban nhân dân xã (Chủ đầu tư) quan tâm chỉ đạo thực hiện đảm bảo đúng thiết kế, hợp lý, phù hợp để công trình phát huy hết khả năng sử dụng đáp ứng mục tiêu trước khi xây dựng

6. Các khó khăn vướng mắc, kiến nghị giải pháp xử lý.

(Kèm theo phụ biểu 06)

IX. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.

Đề nghị các cấp thường xuyên mở các lớp tập huấn kỹ năng nâng cao năng lực của cán bộ giám sát cộng đồng, phổ biến quy định về quản lý đầu tư, xây dựng và giám sát đầu tư để ban giám sát cộng đồng nắm bắt đầy đủ và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công trên địa bàn.

Hiện nay kinh phí chi cho hoạt động giám sát cộng đồng ở địa phương rất khó khăn, công tác giám sát các công trình mất nhiều thời gian kinh phí hiện nay không đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ giám sát cộng đồng, nên công tác giám chỉ đạo điều hành gặp nhiều khó khăn

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Phòng TC- KH huyện;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Chính

Phụ biểu 01
Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư trong kỳ báo cáo Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	so với KH (%)	Giá trị	so với KH (%)	
I	Dự án sử dụng vốn nhà nước	8,775	8,775	5.061	8,775	100%	8,775	100,%	0
1	Vốn đầu tư công	8,775	8,775	5.061	8,775	100%	8,775	100,%	0
1.1	Vốn NSNN	8,775	8,775	5.061	8,775	100%	8,775	100,%	0
a	Vốn NSTW								
b	Vốn NSDP	8,775	8,775	5.061	8,775	100%	8,775	100,%	0
1.2	Vốn ODA								
1.3	Vốn TPCP								
1.4	Vốn đầu tư công khác								
2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3	Vốn khác								
3.1	Trong nước								
3.2	Nước ngoài								
II	Dự án đầu tư theo hình thức PPP								
1	Vốn đầu tư công tham gia (không tính vào tổng vốn đầu tư)								
2	Vốn chủ sở hữu								
2.1	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
2.2	Vốn khác (trong nước)								
2.3	Vốn khác (nước ngoài)								
3	Vốn vay								
3.1	Vốn đầu tư công								
3.2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3.3	Vốn trong nước								
3.4	Vốn nước ngoài								
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác								
1	Vốn trong nước								
2	Vốn nước ngoài								
IV	Tổng cộng	8,775	8,775	5.061	8,775	100%	8,775	100,%	
1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.1 + II.3.1)	8,775	8,775	5.061	8,775	100%	8,775	100,%	
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (I.2 + II.2.1 + III.3.2)								
3	Vốn khác								
	- Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)								
	- Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)								

Phụ lục 02

Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (do cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	CTMTQG	CTMT	CTMTĐP
I	Chủ chương trình			
1	Số lượng			0
2	Tổng vốn kế hoạch			8,775
3	Giá trị thực hiện			0,919
4	Giá trị giải ngân			8,775
II	Chủ dự án thành phần			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			
III	Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			

Ghi chú:

1. CTMTQG: Chương trình mục tiêu Quốc gia.
2. CTMT: Chương trình mục tiêu do Chính phủ quyết định chủ trương.
3. CTMTĐP: Chương trình mục tiêu do địa phương quyết định chủ trương.

8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	0			0							0		
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư	0			0							0		
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng	0			0							0		
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu	0			0							0		
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời	0			0							0		
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác	0			0							0		
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ	0			0							0		
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư	0			0							0		
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư	0			0							0		
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư	0			0							0		
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác	0			0							0		
10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau	0			0							0		
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	0			0							0		
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ	0			0							0		
-	Chỉ định thầu	0			0							0		
-	Đấu thầu hạn chế													
-	Đấu thầu rộng rãi	0			0							0		
-	Hình thức khác													
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ	0			0							0		
-	Đấu thầu không đúng quy định	0			0							0		
-	Ký hợp đồng không đúng quy định	0			0							0		
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng													
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	01			01							01		
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	12			12							12		
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	06			06							06		
4	Tình hình khai thác vận hành													
a	Số dự án đã đưa vào vận hành	01			01							01		
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)	0			0							0		
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ	01			01							01		

Ghi chú: A*: dự án từ nhóm A trở lên (bao gồm cả dự án quan trọng Quốc gia

Phụ biểu 04
Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức PPP trong kỳ

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A*	B	C
I	Chuẩn bị đầu tư				
1	Danh mục dự án				
<i>a</i>	<i>Số dự án thực hiện thủ tục đề xuất đầu tư</i>				
	- Do cơ quan nhà nước đề xuất				
	- Do nhà đầu tư đề xuất				
<i>b</i>	<i>Số dự án được phê duyệt đề xuất, công bố</i>				
2	Số dự án có quyết định đầu tư				
3	Số dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư				
	- Chỉ định nhà đầu tư:				
	- Đấu thầu rộng rãi:				
4	Số dự án được cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
5	Số dự án được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
6	Số dự án hoàn tất các thủ tục Hợp đồng dự án				
II	Thực hiện đầu tư				
1	Số dự án thực hiện đầu tư				
<i>a</i>	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>				
<i>b</i>	<i>Số dự án khởi công mới</i>				
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định				
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)				
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá				
5	Số dự án có vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng được phát hiện				
6	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)				
<i>a</i>	<i>Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện</i>				
<i>b</i>	<i>Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định</i>				
7	Số dự án chậm tiến độ				
<i>a</i>	<i>Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư</i>				
<i>b</i>	<i>Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng</i>				
<i>c</i>	<i>Số dự án chậm tiến độ do năng lực của Nhà đầu tư, nhà thầu</i>				
<i>d</i>	<i>Số dự án chậm tiến độ do nguyên nhân khác</i>				
8	Số dự án phải điều chỉnh				
<i>a</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư</i>				
<i>b</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư</i>				
<i>c</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư</i>				
<i>d</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác</i>				
9	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau				
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng				
1	Số dự án kết thúc đầu tư				
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán				
3	Số dự án được quyết toán				
4	Tình hình khai thác vận hành				
<i>a</i>	<i>Lũy kế số dự án đã đưa vào vận hành</i>				
<i>b</i>	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật.</i>				
<i>c</i>	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả (nếu có)</i>				

Phụ biểu 05
Tình hình thực hiện giám sát đầu tư các dự án sử dụng các nguồn vốn khác

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư							
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư							
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ							
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ							
-	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư							
-	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư							
6	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư							
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ							
-	Dự án đăng ký mới							
-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư							
7	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện							
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ							
-	Vốn chủ sở hữu							
-	Vốn vay							
-	Vốn huy động hợp pháp khác							
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ							
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ							
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ							
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ							
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ							
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ							
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ							
a	Số dự án có lợi nhuận							
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)							

Ghi chú: (1): Dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư trở lên; (2): Dự án do địa phương quyết định chủ trương; (3): Dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư

Phụ biểu 06
Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng
Tên địa phương: UBND xã Phú Điền
năm 2023

	Tổng số dự án đầu tư	Trong đó:			Ghi chú
		Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho xã	Dự án đầu tư công; dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo hình thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác	
1. Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn	01	01			
2. Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:	01	01			
- Đúng quy định	01	01			
- Có vi phạm					
- Chưa xác định được					
3. Số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong đó:	0	0			
- Do các cơ quan chưa công khai thông tin					
- Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin					
- Lý do khác					
4. Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm:	0	0			
- Đã có thông báo kết quả xử lý.					
- Chưa có thông báo kết quả xử lý					
- Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo					